

TÌNH HÌNH CĂNG THẺNG Ở TRUNG ĐÔNG THỜI GIAN QUA

*Đỗ Trọng Quang**

Xung đột ở Trung Đông là một đặc điểm của chính trường quốc tế, và là một đề tài cho sách báo các nước bình luận. Trong hơn hai thập kỷ qua, khu vực này chứng kiến một cuộc chiến tranh đẫm máu kéo dài từ năm 1980 đến 1988 giữa Irắc và Iran, hai cuộc chiến tranh tại Irắc năm 1991 và 2003, chưa kể cuộc tranh chấp gay gắt từ gần sáu chục năm nay giữa người Ixraen và Palestin. Xung quanh Trung Đông lại là những điểm nóng như Apganixtan, Sừng Châu Phi, Cápcadơ và Xuđăng. Trong những vấn đề ở Trung Đông mà phương tiện thông tin đại chúng nhắc tới hàng ngày, có tình hình căng thẳng hiện nay tại Irắc, Iran, và cuộc tranh chấp Ixraen - Palestin được dư luận theo dõi sát sao nhất.

1. Nổi dậy ở Irắc

Tháng 3/2003, khối đồng minh do Mỹ cầm đầu mở cuộc tấn công quy mô vào Irắc, và sau cuộc hành quân chớp nhoáng đánh đổ chính quyền Saddam Hussein, đồng minh hài lòng về sứ mệnh đã hoàn thành. Họ không lường trước tình thế hỗn loạn sẽ xảy ra sau chiến thắng quân sự: xung đột sắc tộc và tôn giáo, làn sóng khủng bố, mầm mống cuộc nổi dậy của nhiều nhóm chính trị độc lập nhằm chống sự có mặt của quân đội Mỹ. Mỗi ngày lực lượng vũ trang Mỹ trung bình phải đối phó với 85 cuộc tấn công, tuy nhiều cuộc bạo loạn không gây thương vong lớn nhưng làm xã hội mất ổn định trong khi chính quyền mới và quân đội nước ngoài

cố gắng lập lại tình hình bình thường. Đáng kể nhất là cuộc bạo động của người Hồi giáo Sunni, tuy chỉ giới hạn ở một khu vực nhất định nhưng là mối nguy cơ không thể xem thường. Người Sunni thường tán công ở xa khu vực cư trú của mình và dễ trà trộn vào dân chúng.

Mục đích chiến đấu của hai giáo phái Sunni và Shi-ai không phải để khôi phục chính quyền cũ, vì thế trấn áp họ không dễ dàng vì lực lượng Mỹ không hiểu rõ phương pháp tổ chức và tư tưởng chính trị của họ. Cuộc nổi dậy của người Irắc hôm nay không giống trước đây khi họ có cơ cấu tổ chức rõ ràng và những đơn vị quân sự gần đạt tiêu chuẩn chính quy. Chính phủ Mỹ ít hiểu biết về tổ chức xã hội và đời sống tôn giáo của dân bản địa, nhất là về thánh đường của đạo Hồi Sunni đã biến thành trung tâm chống đối.

Ngoài cuộc nổi dậy của người theo đạo Hồi Sunni và Shi-ai, còn có hoạt động của những nhóm khác, tuy nhằm mục đích riêng nhưng đôi khi liên kết với hai giáo phái trên về chiến thuật. Cuộc bạo động của người Arập Sunni bùng phát hồi tháng 5/2003 ở khu vực nằm giữa ba thành phố Baghdad, Ramadi, và Falluja mà người ta thường gọi là vùng "Tam giác Sunni". Dưới thời Saddam Hussein, người Sunni tuy chiếm thiểu số nhưng nắm chính quyền ở Irắc và hưởng nhiều đặc quyền đặc lợi. Bây giờ, họ cảm thấy quyền lợi của mình ở nước Irắc mới bị đe dọa, nhất là họ thấy khối đồng minh do Mỹ cầm đầu không quan tâm đến nỗi lo lắng đó. Người Hồi giáo Sunni coi sự thờ

* Tiến sĩ, Nguyên cán bộ Viện Thông tin Khoa học Xã hội

ơ này là biện pháp có tính toán nhằm gạt bỏ họ, nhóm người từng cầm quyền trên 70 năm ở đây.

Tham gia cuộc nổi dậy của người Sunni có những phần tử theo chủ nghĩa Hồi giáo, bao gồm quân nhân và nhân viên an ninh của chính quyền cũ được giáo sĩ Sunni khuyến khích. Xưa nay giáo sĩ dòng Sunni không tích cực hoạt động chính trị như giới tăng lữ dòng Shi-ai, không động viên dân chúng chống những điều họ cho là bất công, nhưng bây giờ khuyến khích họ đã thay đổi không những ở Irắc mà cả tại các nước Ả-rập khác. Buổi thuyết giáo ngày thứ Sáu là dịp khơi dậy sự bất mãn về chính trị hay xã hội trong xã hội Hồi giáo. Mùa thu năm 2003, các phần tử theo chủ nghĩa Hồi giáo đã tấn công một nữ tu viện, giết chết một nhà văn nổi tiếng, cho nổ bom ở một rạp chiếu bóng, và đốt cháy bốn cửa hàng rượu. Hành động bạo loạn của người Sunni không những được sinh viên, trí thức, cựu quân nhân, nông dân hỗ trợ, mà còn giành được sự tán thưởng và khâm phục của những người không tích cực ủng hộ nổi dậy.

Từ năm 1991 đến năm 2003, lệnh cấm vận của Liên hiệp quốc gây nhiều khó khăn cho nước này, tạo điều kiện để tôn giáo phát triển mạnh. Nạn mù chữ trầm trọng, nổi tuyệt vọng trong dân chúng, sự suy sụp của giai cấp trung lưu khiến nhiều người tìm đến tôn giáo để mong được cứu giúp. Bản thân chế độ của cựu tổng thống Saddam Hussein, trước kia thiên về xu hướng thế tục, bây giờ cũng bắt đầu khuyến khích đạo Hồi phát triển trong 10 năm đó. Năm 1999, chính phủ phát động chiến dịch hạn chế sòng bạc và tiệm rượu, đẩy mạnh giáo dục tôn giáo, cho phép giáo sĩ lồng nội dung chính trị vào bài thuyết giáo để hướng sự giận dữ của tín đồ vào lực lượng đã làm suy yếu Irắc bằng lệnh trừng phạt.

Giữa tháng 12/2003, Saddam Hussein bị bắt khiến sức mạnh của nhóm trung thành với cựu tổng thống giảm sút đáng kể, nhiều phần tử nổi dậy oán trách chế độ cũ và đảng Baath cầm quyền đã gieo tai họa xuống đất nước, nhưng những người mang nặng tình cảm tôn giáo và dân tộc này vẫn hăng hái trong các tháng đầu nổi dậy, họ đảm nhiệm vai trò lớn hơn trong cuộc chiến đấu mùa thu và mùa đông năm 2003 và năm 2004, do đầy bạo loạn càng khó trấn áp. Người nổi dậy thành thạo hơn trong kỹ thuật tác chiến, những phần tử sống sót sau các đợt truy quét của lực lượng Mỹ học được kinh nghiệm về chiến thuật và kỹ thuật. Họ được sự hỗ trợ của nhân viên quân sự cũ, những người vì lý do dân tộc và tôn giáo đã chọn con đường bạo lực. Số nhân viên quân sự này đóng vai trò lớn trong hàng ngũ nổi dậy mùa thu năm 2003, tuy họ không có thiện cảm lắm với chế độ cũ nhưng bất mãn vì mất việc làm, vị thế và quyền lợi lúc lực lượng vũ trang của họ bị giải thể tháng 5/2003. Sĩ quan cấp cao và trung cấp trở thành cố vấn và huấn luyện viên của các tổ chiến đấu chưa được rèn tập nhưng có nhiệt tình.

Mùa xuân và mùa hè 2004, các phần tử nổi dậy ở khu vực người Hồi giáo Sunni đã nâng cao được kỹ năng chiến đấu bằng đơn vị nhỏ, họ có khả năng tổ chức những cuộc mai phục phối hợp có hiệu quả chống lực lượng Mỹ và tấn công các đoàn xe tiếp tế. Tham gia lực lượng nổi dậy có nhiều thanh niên dân tộc thiểu số theo giáo phái Sunni. Tại Falluja, những thanh niên này tham gia chiến đấu với nhiều động cơ, thí dụ dân tộc họ quen sống phóng khoáng không chịu khuất phục thế lực nào. Trước đây, chế độ cũ của Saddam Hussein đã đau đầu vì những dân thiểu số này. Kết hợp với những người đó là các phần tử theo chủ nghĩa Hồi giáo và dân tộc không chịu quy phục kẻ "ngoại đạo". Một lý do

nữa khiến họ chống quân đồng minh là cách hành xử vụng về và lỗ mãng của binh lính Mỹ, không tôn trọng tập quán và danh dự của dân thiểu số khi lục soát nhà riêng họ và che giấu thông tin về người bị bắt giam trong nhiều tháng. Thái độ tẩy chay Mỹ bắt nguồn từ chỗ quân đồng minh tỏ vẻ khinh thị dân Irắc, cách đối xử hàng ngày với người bị giam giữ, và việc giết lầm người vô tội lúc binh lính Mỹ phản ứng lại những cuộc tấn công và phục kích của lực lượng nổi dậy.

Một điểm đáng lưu ý là, bọn khủng bố nước ngoài và các phần tử Hồi giáo Sunni quá khích bắt đầu tích cực tham gia bạo loạn. Ngày càng nhiều bằng chứng về sự thâm nhập vào Irắc của các nhóm chống Mỹ như *Al Qaeda* và tổ chức *Tawhid* của tên trùm khủng bố Abu Musab al-Zarqawwi người Gioocđani. Các phần tử theo chủ nghĩa Hồi giáo đến từ nước ngoài liên kết với người Ả-rập Sunni địa phương, xuất hiện tại các thành phố Falluja, Ramadi, và Mosul, bằng chứng là các vụ đánh bom liều chết hồi tháng 8/2003 và trong năm 2004.

Cả Mỹ và chính phủ mới của Irắc đều không biết rõ quân số của tổ chức bạo loạn, và có lẽ chính tổ chức đó cũng không biết số người của mình, vì họ hoạt động thành các nhóm nhỏ phân tán. Cũng có thể tổ chức nổi dậy thổi phồng số quân của mình để tuyên truyền, nhưng điều ta có thể biết chắc là quân bạo động giành được thiện cảm lớn của dân Ả-rập theo đạo Hồi Sunni. Người nổi dậy thường thường còn rất trẻ, họ là binh lính của chế độ cũ, cuộc tấn công và phục kích của họ được tổ chức rất hoàn hảo và có tính chuyên nghiệp cao. Một số khác là sinh viên hay những thanh niên thất nghiệp chiến đấu dưới sự dẫn dắt của người lớn tuổi có kinh nghiệm quân sự.

Giúp đỡ bạo loạn là một số nhà tài phiệt và người cung cấp vũ khí. Những người cầm đầu bạo loạn hiểu rõ phí tổn phải trả cho cuộc nổi dậy, họ cần có tiền để khuyến khích những kẻ mới tuyển mộ. Tuy mục đích được tuyên bố là chiến đấu vì dân tộc, danh dự hay tôn giáo, nhưng tiền bạc vẫn cần thiết để duy trì tổ chức. Trước khi Saddam Hussein bị đánh đổ, những kẻ trung thành với chế độ cũ đã cất giấu nhiều tiền bạc. Quân đội Mỹ khám phá được nhiều chỗ cất giấu đó, nhiều nhân vật chủ chốt chủ trương bạo động bị bắt với số lượng tiền lớn. Lực lượng nổi dậy còn nhận được sự ủng hộ tài chính của nhiều gia đình giàu có, đặc biệt là những người buôn bán, thầu khoán hay làm nghề xây dựng ở tỉnh Al Anbar.

Cuộc chiến thứ nhất ở Falluja. Trong khi cuộc bạo loạn của người Hồi giáo Sunni phát triển ngày càng mạnh, thì quân đồng minh đứng trước tình hình tiến thoái lưỡng nan, như trường hợp ở Falluja. Mùa xuân 2004, hàng trăm quân bạo động được vũ trang đầy đủ và được huấn luyện kỹ, tập hợp tại thành phố 300 nghìn dân này. Mỹ có bốn cách lựa chọn: a) bao vây và pháo kích thành phố cho đến lúc quân bạo động đầu hàng, b) mở cuộc tập kích quy mô nhưng đẫm máu, c) bỏ đi, d) thương lượng. Sau khi cân nhắc, người Mỹ thương lượng với quân nổi dậy để ngừng bắn, thế là lực lượng bạo động đạt được thắng lợi về cả quân sự lẫn chính trị. Cuộc chiến thứ nhất ở Falluja đưa tới kết cục không vẻ vang cho người Mỹ, họ quyết tâm trở lại thành phố này lần thứ hai vào tháng 11 năm 2004. Họ chọn phương án tập kích vào Falluja và đã chiến thắng, tiêu diệt một số lớn quân bạo động và xóa bỏ nơi ẩn náu của lực lượng này.

Trước đó, vào tháng 3 năm 2004, liên quân đã gặp một bất ngờ khi người Hồi giáo dòng Shi-ai cũng nổi dậy. Mỹ vẫn tưởng người Shi-ai có thể là đồng minh

của mình đấu tranh với người Sunni, nhưng bây giờ người Hồi giáo Shi-ai lại công khai chống liên quân, với cái gọi là Quân đoàn Mahdi do giáo sĩ Muqtada al-Sadr chỉ huy ở hai thành phố Najab và Karbala. Giáo sĩ Muqtada al-Sadr vốn là con trai của Mohammed Sadeq al-Sadr, một trong những nhà lãnh đạo Hồi giáo hàng đầu ở Irắc, đã bị Saddam Hussein giết tháng 2 năm 1999 khi ông kêu gọi người Shi-ai nghèo khổ và thất nghiệp ở khu vực Sadr, ngoại ô thành phố Baghdad, phản kháng chính phủ. Ngay từ lúc mới nổi lên thành một nhân vật chính trị, Muqtada đã tỏ vẻ khinh miệt nhà cầm quyền chiếm đóng Mỹ và những người Irắc hợp tác với họ. Tuy vậy, Muqtada tránh xúi giục bạo động, mà chỉ chú ý khôi phục mạng lưới chính trị rộng lớn của cha trong cộng đồng người Shi-ai nghèo khổ. Ông ta bí mật thành lập một lực lượng, nhưng rêu rao rằng lực lượng đó sẽ không được vũ trang mà chỉ làm công tác xã hội ở các vùng lân cận. Thật ra thành viên của lực lượng này đã cất giấu ở nhà những vũ khí mua được từ các kho quân nhu bị đánh cắp, và tập bắn ở các bãi rác trong khu vực Sadr.

Quân đoàn Mahdi của Muqtada có ước chừng từ 3.000 đến 10.000 người, đa số được tuyển mộ từ những thanh niên thất nghiệp vẫn lảng vảng suốt ngày ở các góc phố. Phần lớn những người này từ nông thôn đến, không biết chữ, chưa hề được huấn luyện về vũ khí và tác chiến. Khi lực lượng đã được củng cố tương đối vững chắc, Muqtada bắt đầu đưa vào bài thuyết giáo lời khuyến khích sử dụng bạo lực chống người Mỹ. Tháng 3 năm 2004, ông ta quyết định vũ trang cho những kẻ ủng hộ mình, đánh đòn phủ đầu vào quân đồng minh lúc tờ báo của ông bị đình bản và một trong những phụ tá chủ chốt bị bắt giam. Sở dĩ Muqtada được nhiều người ủng hộ vì ông là con trai của một trong

những nhà lãnh đạo Hồi giáo lớn ở Irắc, một giáo sĩ có kiến thức uyên thâm về tôn giáo. Tuy vậy, Muqtada không hành động vì tôn giáo, mà chỉ nhằm mục tiêu chính trị, không ưa người nước ngoài, nhất là người Iran. Ông rất ghét Ali al-Sistani, một nhà lãnh đạo Hồi giáo hàng đầu dòng Shi-ai của Irắc, chỉ vì người này là người Iran. Trong bối cảnh đó, cuộc bạo loạn do Muqtada cầm đầu còn là cuộc đấu tranh nội bộ trong giới tăng lữ dòng Shi-ai để giành quyền kiểm soát người Hồi giáo Shi-ai về xã hội - kinh tế.

Tuy là người Hồi giáo Shi-ai, nhưng Muqtada được người Sunni nhiệt liệt tán thưởng và khâm phục đến nỗi khi cuộc bạo động tháng 4 năm 2004 nổ ra, chân dung ông được dán khắp nơi trên tường ở các đô thị đông người Sunni. Thế là từ đó, Quân đoàn Mahdi bắt đầu cộng tác với phong trào nổi dậy của người Sunni, và có tin đồn một số phần tử của quân đoàn đó tìm cách thâm nhập thành phố Falluja. Sự cộng tác giữa người Sunni và người Shi-ai không phải là điều mới mẻ, nếu ta nhớ lại cuộc nổi dậy của hai cộng đồng đó sát cánh nhau chống người Anh năm 1920. Như vậy, mối thiện cảm giữa hai dòng Hồi giáo cho thấy chủ nghĩa dân tộc đã liên kết hai cộng đồng vốn kình địch nhau trong cuộc đấu tranh chống quân đồng minh.

Tuy nhiên, Muqtada không có khả năng kích động một cuộc nổi dậy của đông đảo người Shi-ai, vì họ sợ ý tưởng của ông ta về một chính phủ Hồi giáo do giáo sĩ cầm đầu. Ngoài ra, quan hệ trong nội bộ người Shi-ai cũng căng thẳng khi giai cấp tiểu tư sản và tầng lớp thương nhân ở Najab và Karbala phẫn nộ vì xung đột vũ trang đã khiến công việc làm ăn của họ ngừng trệ. Hơn nữa, các phần tử theo Muqtada dù sao vẫn là lực lượng vũ trang yếu nhất trong nước. Mặc dầu trong lực lượng đó có một số quân nhân của chế độ cũ, nhưng phần đông là thanh niên chưa

hệ được huấn luyện về kỹ năng tác chiến, vì thế quân nổi dậy Shi-ai chịu thương vong rất nhiều trong các cuộc chạm súng hồi mùa xuân năm 2004.

Tháng 4 năm 2004, một cuộc ngừng bắn được thỏa thuận giữa quân đồng minh với lực lượng nổi dậy nhưng chẳng bên nào thật sự tôn trọng lệnh đình chiến, nhiều cuộc bạo động rời rạc vẫn diễn ra. Muqtada kêu gọi người Hồi giáo hai dòng Shi-ai và Sunni đoàn kết với nhau, tố cáo Mỹ tìm cách xóa bỏ đạo Hồi, và tuyên bố mục tiêu đánh đuổi lực lượng nước ngoài để thiết lập một nước Irắc độc lập và tự do. Ông tiến hành một cuộc nổi dậy mới vào tháng 7 và tháng 8 năm 2004.

Cuộc nổi dậy lần này được tổ chức tốt hơn hồi mùa xuân, Quân đoàn Mahdi thành lập những đơn vị nhỏ sáu người một, trang bị bằng rốc-két phóng lựu đạn, súng cối, và súng AK-47. Họ chiếm thành phố Sadr và tấn công các cơ quan của chính phủ lâm thời. Quân bạo động cố thủ ở một nghĩa trang lớn và trong đền thờ Ali, một lãnh tụ Hồi giáo có uy tín, khiến lực lượng Mỹ ngần ngại tập kích vào nơi đó vì sợ mang tiếng mạo phạm thánh địa và mưu toan xóa bỏ đạo Hồi. Trong khi đó, thành phố Falluja cũng trở thành nơi ẩn náu của cả quân bạo động địa phương lẫn bọn khủng bố cực đoan. Mùa hè và mùa thu năm 2004, báo chí đăng nhiều tin về những vụ bắt cóc khách nước ngoài và dân Irắc, nhiều người bị bọn khủng bố chặt đầu. Dư luận trong nước và quốc tế phần nộ đã tạo điều kiện thuận lợi cho chính phủ và liên quân kiên quyết dẹp bỏ hang ổ này. Hơn nữa, sau khi an ninh được khôi phục tại Falluja, tình thế bình thường sẽ được lập lại ở khu vực trung tâm đất nước có đông người Hồi giáo Sunni, lúc cuộc tuyển cử sắp diễn ra, mở đầu quá trình thành lập một nước Irắc mới sau Saddam, độc lập và ổn định.

Sau tuyển cử, một quốc hội quá độ gồm 275 đại biểu, được bầu hồi tháng 1 năm 2005, bổ nhiệm một chính phủ tạm quyền và thảo luận về hiến pháp. Tháng 10 năm 2005, hiến pháp được đưa ra trưng cầu dân ý, hai tháng sau khi hiến pháp mới được thông qua, nước Irắc tổ chức cuộc tuyển cử nữa để lập một chính phủ chính thức, bầu một quốc hội mới. Như thế tức là nhân dân phải đến phòng bỏ phiếu ba lần, một điều khá phức tạp vì nếu bạo lực tiếp tục diễn ra thì khó khăn không thể lường trước được trong tình thế lúc này. Bạo động phải bị trấn áp tại Falluja, trung tâm của nổi loạn. Quan chức cao cấp của chính phủ Mỹ đều tán thành sử dụng vũ lực đánh dẹp tiền đồn đó của người Hồi giáo Sunni ngoan cố và tuyên bố rằng tuyển cử có thể được tổ chức mà không cần họ tham gia.

Tuy nhiên, cả hai chính phủ Mỹ và Irắc đều khó xử vào đầu mùa thu năm đó, vì không thể tổ chức bầu cử mà không có người Sunni. Dù sao, những người này cũng chiếm 20% dân số, sự vắng mặt họ sẽ khiến kết quả bầu cử thiếu tính hợp pháp. Hơn nữa, người Sunni tẩy chay bầu cử càng khiến dân Hồi giáo Shi-ai chiếm ưu thế trong nước, người Cuốc thiểu số thuộc giáo phái Sunni càng dễ bị dân Ả-rập Shi-ai đa số đe dọa. Hoàn tuyển cử theo gợi ý của một số chính trị gia Irắc và Tổng thư ký Liên hiệp quốc Kofi Annan cũng là điều không thể thực hiện vì sẽ khiến người Shi-ai đa số bất bình, và đất nước vẫn nằm dưới quyền một chính phủ lâm thời bấp bênh. Đấy sẽ là thắng lợi của lực lượng bạo loạn.

Cuộc chiến thứ hai ở Falluja. Trong tình huống đó, cuộc tập kích vào Falluja diễn ra đầu tháng 11 năm 2004 và kéo dài hai tuần lễ. Thoạt tiên, lực lượng quân và lính thủy đánh bộ Mỹ e ngại rơi vào tình cảnh như ở Huế trong cuộc đồng khởi tết Mậu thân tại Việt Nam, tức là phải đương đầu

với một đối phương ngoan cường trong một cuộc chiến lâu dài. Nhiều phần tử nổi dậy đã chiến đấu bên bờ với tinh thần sẵn sàng tử vì đạo. Về sau, họ quyết định rời khỏi Falluja, phân tán đến các thành phố khác của người Arập theo đạo Hồi Sunni, rồi tiếp tục hoạt động tại những địa điểm như Mosul. Quân đồng minh chiếm được Falluja nhưng không vì thế mà bạo động giảm đi ở Irắc. Lực lượng nổi dậy mất một nơi ẩn náu quan trọng cùng nhiều vũ khí và thuốc men, phải rút đến địa điểm khác để chữa lành vết thương, nhưng chẳng bao lâu bạo động lại bùng phát trở lại khi ngày tuyển cử đang đến gần, các địa điểm bỏ phiếu dễ trở thành mục tiêu khủng bố. Điều đáng lo ngại hơn thế nữa là sự chia rẽ dân tộc và tôn giáo ngày càng trầm trọng trong dân chúng.

Tại Irắc có ba tập đoàn cư dân chủ yếu: người Arập Sunni, người Cuốc Sunni, và người Arập Shi-ai. Sau cuộc tập kích thành công của quân đồng minh vào Falluja, người Arập Sunni lại càng ủng hộ lực lượng nổi dậy. Họ cảm thấy bị Mỹ cố tình gạt ra ngoài lề bằng cách ủng hộ người Cuốc và dân Arập Shi-ai, họ thấy mình không có tương lai sáng sủa ở nước Irắc mới. Một số người Arập Sunni nghĩ đến việc kêu gọi thành lập một khu vực tự trị của mình. Họ không trông cậy nhiều ở dân Cuốc vì giữa hai tộc người vốn có mối hiềm nghi từ lâu, nay càng bộc lộ mâu thuẫn khi dân Arập và Cuốc có xung đột sắc tộc ở miền bắc, bây giờ người Cuốc lại đứng về phía quân đồng minh. Cộng đồng Arập Sunni cũng có hiềm khích với người Arập Shi-ai khi những người này đứng trong lực lượng quân sự Irắc sát cánh cùng liên quân đánh vào Falluja.

Hiện giờ Irắc đang ở một thời điểm quyết định trong lịch sử của mình. Bạo lực tiếp tục xảy ra, xung đột giữa các cộng đồng ngày càng leo thang. Chỉ khi nào có một chính phủ hợp pháp, một lực lượng an

ninh tương đối có hiệu quả, các cộng đồng bớt đòi hỏi quyền lợi chính trị và kinh tế tối đa cho mình, người Hồi giáo Sunni không thấy mình bị phân biệt đối xử với người Shi-ai đa số, thì lúc đó một giải pháp thỏa đáng mới có thể được đem lại cho tình hình căng thẳng. Về phần mình, lực lượng quân đồng minh đã chịu nhiều tổn thất kể từ ngày tấn công Irắc.

2. Thương vong của quân đội Mỹ tại Irắc

Ngày 16/10/2003, tức là năm tháng sau cuộc chiến tranh Irắc, bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Donald Rumsfeld nói rằng: "Rõ ràng liên quân có thể thắng ở Apganixtan và Irắc bằng cách này hay cách khác, nhưng đó sẽ là một việc vất vả kéo dài"¹. Sau khi chiến tranh nổ ra được hai năm, Mỹ đã mất 1.500 binh sĩ tử trận và 11.500 người bị thương. Kết quả chiến thắng của liên quân là bắt được Saddam Hussein tháng 12/2003, chuyển giao quyền lực cho chính phủ lâm thời tháng 6/2004, tổ chức bầu cử tháng 1/2005. Tuy nhiên, số thương vong cho thấy một cuộc nổi dậy ngày càng leo thang không biết bao giờ mới chấm dứt. Ông Bush đã thắng cử năm 2004, đảm nhiệm chức vụ tổng thống thêm một nhiệm kỳ, nhưng nếu phân tích kết quả bầu cử thì ta thấy số thương vong của binh lính Mỹ ở Irắc đã làm giảm sút sự ủng hộ đối với tổng thống trong năm thứ ba của cuộc chiến. Trong một bài viết ở tạp chí *Orbis*², tác giả Glenn Kutler chia tình hình Irắc từ tháng 3/2003 đến tháng 3/2005 thành tám giai đoạn:

Từ ngày 19/3 đến 9/4/2003. Đêm 19/3/2003, tổng thống Bush thông báo với quốc dân cuộc chiến ở Irắc đã được khởi động. Thủ đô Baghdad thất thủ ngày

¹ Rumsfeld's War-on-Terror Memo, *USA Today*, Oct. 22, 2003.

² *Orbis*, Summer 2005.

9/4/2003 nhưng đến ngày 1/5 tổng thống mới báo tin chiến thắng của liên quân. Số thương vong giảm từ 31 người trung bình mỗi tuần xuống còn 9 người.

Từ ngày 10/4 đến 11/9/2003. Giai đoạn chiếm đóng thứ nhất kéo dài từ lúc Baghdad thất thủ tới ngày 11/9/2003, tức là ngày kỷ niệm hai năm cuộc khủng bố ở Mỹ. Thời gian 22 tuần lễ này là giai đoạn binh lính Mỹ thương vong nhiều nhất, khiến ông Donald Rumsfeld phải thốt lên rằng sứ mệnh chưa được hoàn thành.

Từ ngày 12/9 đến 20/11/2003. Trong bảy tuần lễ, mức thương vong dao động từ cao xuống thấp, nhưng hai tuần lễ tiếp theo, từ ngày 8/11 đến 15/11/2003, đúng vào dịp lễ Ramadan của đạo Hồi (kéo dài từ 25/10 đến 24/11), là thời gian tồi tệ nhất về số binh lính Mỹ chết từ khi chiến tranh nổ ra. Từ ngày 2 đến ngày 8/11/2003, một máy bay lên thẳng bị quân bạo động bắn rơi ở Tikrit và một chiếc nữa tại Falluja khiến 22 người thiệt mạng. Tuần tiếp theo, một máy bay lên thẳng thứ ba bị hạ ở Mosul làm 17 người chết. Trước tháng Mười một, đã có bảy máy bay lên thẳng rơi, nhưng số thương vong không nhiều như ở ba chiếc trên. Cuối thời kỳ này, 16 lính Italia chết trong một cuộc đánh bom bằng ô-tô tại Al Nasiriyah. Cường độ giao tranh giảm đáng kể, nhưng trong giai đoạn mười tuần lễ này với tổng số binh lính Mỹ chết là 435 người, con số trung bình hàng tuần đã gấp đôi giai đoạn chiếm đóng thứ nhất.

Từ ngày 21/11/2003 đến 6/3/2004. Lúc đầu giai đoạn phản công này, một quan chức cao cấp của Mỹ ở Iraq là Paul Bremer nói rằng: “ít người Mỹ bị giết hơn nhiều trong các cuộc tấn công của du kích những ngày gần đây... Nhưng quân nổi dậy đã chuyển sang giết người Iraq”³. Rõ

ràng những vụ khủng bố này do giáo phái Sunni gây ra vì số dân Iraq bị giết toàn là người Shi-ai. Số binh lính Mỹ chết trong 15 tuần lễ này là 119 người, nếu tính toàn bộ số tử vong đến cuối giai đoạn đó thì là 554 người. Đáng chú ý trong giai đoạn này là những vụ khủng bố dân thường ở Baghdad và Karbala, cướp đi sinh mạng 185 người. Ngày 2/12, quân đồng minh hạ thủ được 54 phần tử bạo loạn, và bắt được Saddam Hussein ngày 13 tháng đó. Thắng lợi này mang đến cho đồng minh nhiều hy vọng, nhưng số thương vong tiếp theo của họ cho thấy cường độ nổi dậy không suy giảm.

Sau khi Saddam Hussein bị bắt, các cuộc tấn công trả đũa đã giết chết 10 lính Mỹ mỗi tuần. Cũng trong thời gian này, quân nổi dậy tăng cường khủng bố dân Iraq, nhất là những người hợp tác với nhà cầm quyền mới. Số binh sĩ Mỹ tử vong giảm đi vì ít ra khỏi doanh trại hoặc được bảo vệ rất cẩn thận, nhưng số dân Iraq theo giáo phái Shi-ai bị giết lại tăng vọt.

Từ ngày 7/3/2004 đến 28/6/2004. Chiến sự tiếp diễn dữ dội, số tử vong của lính Mỹ là 302 người trong 16 tuần lễ đầu tiên, tức là 19 người mỗi tuần, gấp đôi giai đoạn trước. Để chứng tỏ cho thế giới biết ý định quyết chiến của mình, quân bạo động giết bốn nhân viên Mỹ ngày 31/3 ở Falluja, rồi treo xác họ lủng lẳng trên cầu. Trong vòng một tuần lễ, quân bạo động tấn công ở ít nhất sáu thành phố, đặc biệt tại Najaf là nơi một lực lượng Shi-ai dưới quyền chỉ huy của Muqtada al-Sadr cùng chiến đấu với quân bạo loạn Sunni. Ngày 28/4, tin tức về việc quân đội Mỹ hành hạ tù binh ở Abu Ghraib, do chính hãng truyền hình CBS của Hoa Kỳ công bố, khiến lực lượng bạo động công phần mở cuộc tấn công cực kỳ ác liệt vào các đơn vị Mỹ. Đầu tháng Sáu, một cuộc ngừng bắn được thỏa thuận ở Najaf, tạo điều kiện cho liên quân tập trung nỗ lực bảo vệ chính

³ Joel Brinkly, “Iraqi Attacks on Americans Start to Ease, Bremer Says,” *New York Times*, Nov. 26, 2003.

phủ Iraq sắp bổ nhiệm và, ngày 28 tháng đó, lễ chuyển giao chủ quyền cho chính phủ mới được cử hành.

Từ ngày 29/6 đến 2/11/2004. Tháng 3/2004, bọn khủng bố *Al Qaeda* tấn công một đoàn xe lửa ở ngoại ô Madrid của Tây Ban Nha, khiến chính phủ nước đó phải rút lực lượng vũ trang Tây Ban Nha khỏi Iraq. Trong thời gian này, cộng với binh lính Mỹ tử vong là số dân Iraq bị giết hại trong các vụ khủng bố. Ngày 15/7, 10 người Iraq bị giết trong một vụ đánh bom liều chết, thống đốc tỉnh Nineveh bị ám sát. Một tuần lễ sau, một bệnh viện ở Baghdad bị tấn công làm thiệt mạng bốn người. Tháng Tám, cuộc ngừng bắn ở Najaf kéo dài ba tháng bị phá vỡ, Muqtada al-Sadr kêu gọi chiến đấu chống lực lượng Mỹ. Theo lời bình luận của báo chí, thì cuộc bạo loạn đạt mức độ dữ dội và quy mô cao nhất⁴.

Ngày 17/9, một báo cáo về vũ khí hủy diệt hàng loạt (WMD) của Iraq được công bố Mỹ, kết luận rằng nước đó muốn sản xuất WMD nhưng chưa thực hiện chương trình nào lúc Mỹ tấn công. Thế là mối nghi ngờ nảy sinh về động cơ chiến tranh khiến bộ trưởng Donald Rumsfeld phải thốt lên rằng "ông ta không hề tin Saddam Hussein có liên hệ sâu sắc với *Al Qaeda*". Tuy nhiên, tổng thống Bush vẫn cho rằng tiến hành chiến tranh là đúng, mặc dầu ứng cử viên John Kerry của Đảng Dân chủ có ý kiến ngược lại.

Ngày bầu cử ở Mỹ tới gần, nỗ lực được tăng cường để dẹp cuộc bạo động tại Iraq. Trước dịp lễ Ramadan của đạo Hồi giữa tháng Mười, nhà cầm quyền Mỹ thuyết phục được Muqtada al-Sadr hạ vũ khí, cuộc bạo loạn yếu đi vì thiếu sự tham gia của lực lượng Shi'i. Bây giờ cố gắng được tập trung đối phó với người Sunni, liên

quân quyết định tấn công thành lũy Falluja.

Từ ngày 3/11/2004 đến 30/1/2005. Cuộc tấn công Falluja bắt đầu ngày 8/11 và kéo dài ba tuần lễ. Ngày đầu tiên, quân đồng minh chiếm được một bệnh viện và chiếc cầu mà lực lượng bạo động treo xác bốn người Mỹ trước đấy bảy tháng. Tuần lễ đó, quân đội Mỹ có 67 người tử vong và, trong tuần lễ cuối cùng của giai đoạn này, 61 người nữa thiệt mạng, kể cả 31 người chết trong một máy bay lên thẳng rơi ngày 26/1/2005. Để chứng tỏ rằng cuộc bạo loạn tại Iraq sẽ suy yếu, và cuộc tuyển cử ở nước đó sẽ diễn ra đúng như dự kiến, tổng thống Bush trao tặng Huy chương Tự do tại Washington, D.C. ngày 15/12 cho Paul Bremer, tướng Tommy Franks, và George Tenet, nguyên giám đốc Cục Tình báo Trung ương (CIA), vì những đóng góp cho nỗ lực chiến tranh ở Iraq. Trong khi đó, cuộc bạo động vẫn tiếp diễn, số thương vong của Mỹ giảm bớt nhưng quân bạo loạn tiếp tục khủng bố dân thường. Tổng Giám mục giáo phận Mosul của đạo Thiên chúa bị bắt cóc nhưng sau đấy được thả ra. Ngày 24/1, thủ lĩnh quân bạo động là Abu Musab al-Zarqawi thông báo trên Internet rằng hắn sẽ phá hoại cuộc tuyển cử.

Hai ngày sau, một máy bay lên thẳng rơi, số người Mỹ chết trong giai đoạn này là 311, trung bình mỗi tuần lễ có 23, 9 người thiệt mạng. Đây là tỉ lệ cao nhất từ khi nổ ra chiến tranh, nâng tổng số tử vong của Mỹ lên đến 1.434 người. Ngày 30/1, hai người Mỹ bị giết ở Al Anbar, trong khi 8 triệu cử tri Iraq đi bỏ phiếu (tức là 56% trong tổng số 14 triệu người đủ tư cách bầu cử). Cũng trong thời gian đó, một máy bay vận tải của Anh bị bắn rơi, làm chết 10 quân nhân.

Từ ngày 1/2 đến 19/3/2005. Quân bạo động giảm bớt sự đối đầu với quân đội Mỹ, tăng cường khủng bố dân thường. Trong

⁴ *New York Times*, Aug. 28, 2004. *New York Times*, Aug. 29, 2004.

một ngày lễ của người Hồi giáo Shi-ai vào tháng Hai, khoảng 40 khách hành hương bị một vụ đánh bom cảm tử giết chết ở Baghdad và ngày 28 tháng đó, hơn 120 người chết trong một cuộc đánh bom bằng ô-tô tại Hilla. Ngày 9/3, một quả bom nổ gần một khách sạn ở Baghdad, làm 30 người Mỹ bị thương và hôm sau, 40 người Hồi giáo Shi'i bị giết khi dự một đám tang tại Mosul. Quân đội Mỹ tăng cường nhịp độ hành quân tại vùng "Tam giác Sunni", số thương vong của họ tiếp tục tăng, nhưng không bằng số người thiệt mạng trong lực lượng Cận vệ Quốc gia và cảnh sát Irắc. Tính trong khoảng thời gian 19 ngày của tháng Ba, số lính Mỹ chết là 23 người trong khi 117 binh sĩ và cảnh sát Irắc thiệt mạng, tức là gấp năm lần. Số binh lính Mỹ tử vong trong giai đoạn này là 87 người, nâng tổng số quân nhân chết trong hai năm đầu của cuộc chiến lên 1.521 người.

Mặc dầu Mỹ chịu tổn thất nhiều ở Irắc, tổng thống Bush vẫn tin rằng quân đội Mỹ và chính phủ mới của Irắc sẽ trấn áp được bạo loạn, và cuộc chiến tranh là một thành công trên con đường "mở rộng tự do và dân chủ khắp thế giới". Tuy nhiên, lực lượng bạo loạn nhất quyết đòi nước Mỹ phải trả một giá cao về sinh mạng cho việc "mở rộng dân chủ và tự do ở Irắc" và trong trường hợp đó, tổng thống Bush khó tiếp tục giành được sự ủng hộ của quần chúng đối với chính sách của ông.

3. Tình hình căng thẳng tại Iran

Sau Irắc, mối quan tâm lớn nhất của Mỹ hiện nay ở Trung Đông là vấn đề Iran, nhất là chương trình hạt nhân của nước này. Cuối tháng 3/2006 vừa rồi, đại sứ Iran tại Liên hợp quốc khẳng định nước ông không có chương trình sản xuất vũ khí hạt nhân. Cách đây hai năm, thư ký Hội đồng An ninh Quốc gia Tối cao của Iran là Hassan Rowhani cũng đã tuyên bố

rằng vũ khí hạt nhân cùng các vũ khí hủy diệt hàng loạt khác "không quan trọng cho học thuyết phòng thủ của chúng tôi", mà trái lại, Iran cam kết ủng hộ một khu vực và một thế giới không có vũ khí hủy diệt hàng loạt. Tuy nhiên, Cơ quan Năng lượng Nguyên tử Quốc tế (IAEA) một mực cáo buộc chính phủ Têhêran bí mật làm giàu *uranium*, trong khi quan chức nước này nhấn mạnh chương trình hạt nhân của mình chỉ nhằm mục đích hòa bình, cụ thể là sản xuất điện đáp ứng nhu cầu năng lượng trong nước. Chính phủ Iran thông báo kế hoạch sản xuất 7.000 MW năng lượng hạt nhân vào năm 2020, như thế là cần phải có 7 nhà máy điện hạt nhân, kể cả nhà máy 1.000 MW do Nga giúp đỡ xây dựng ở Bushehr, nhưng lý lẽ đó không xoa tan được mối e ngại của phương Tây.

Mỹ nghi ngờ Iran có tham vọng về vũ khí hạt nhân từ giữa những năm 1980, và không tin chương trình hạt nhân của Iran nhằm mục đích sản xuất điện, vì nước đó là một trong những quốc gia có trữ lượng dầu khí lớn nhất thế giới, một nguồn nguyên liệu phong phú để sản xuất điện. Theo ước tính của các nhà khoa học thì Iran có khoảng 7% trữ lượng dầu lửa của thế giới và là nước có nguồn khí đốt lớn thứ hai. Cuối tháng 12/2001, các cơ quan tình báo Mỹ tiên đoán Iran có thể chế tạo vũ khí hạt nhân vào cuối thập kỷ này, và có thể sớm hơn nếu có sự trợ giúp của nước ngoài. Các chính phủ Anh và Pháp thì tính rằng Iran sẽ có vũ khí hạt nhân vào năm 2007. Tuy nhà cầm quyền Teheran từng nhấn mạnh đã tham gia Hiệp ước cấm Phổ biến Vũ khí Hạt nhân (NPT) cùng các công ước về vũ khí hóa học và sinh học, nhưng Cơ quan Năng lượng Nguyên tử Quốc tế (IAEA) vẫn cáo buộc Iran che giấu chương trình làm giàu *uranium* và *plutonium*, cũng như không thông báo về cơ sở hạt nhân ở Natanz trước tháng 2/2002.

Tháng 2/2003, chính phủ Iran thông báo đang xây dựng một nhà máy sản xuất nước nặng tại Arak và dự kiến xây dựng một lò phản ứng mới. Theo lời IAEA thì chương trình hạt nhân của Iran có sự trợ giúp của Pakixtan, nhưng tổng thống Pervez Musharraf nói rằng nếu có việc chuyển giao công nghệ hạt nhân từ nước ông thì đây là hoạt động kiếm lợi của tổ chức tư nhân chứ chính phủ không chủ trương điều đó. Theo một nguồn tin ngoại giao, nhiều tổ chức ở phương Tây cũng giúp Iran trong chương trình hạt nhân, như các công ty ở Đức, Thụy Sĩ và Áo, càng khiến Mỹ lo ngại về kế hoạch vũ khí của nước này.

Thật ra, quan hệ giữa hai nước xấu đi từ khi nổ ra cuộc cách mạng Hồi giáo ở Iran và sau khi con tin Mỹ bị bắt cóc. Trong hơn hai thập kỷ, Mỹ tìm cách cô lập Iran và trừng phạt nước đó về ngoại giao và kinh tế với lý do Iran chống lại quá trình hòa bình ở Trung Đông, tiếp tay cho chủ nghĩa khủng bố, vi phạm nhân quyền, và góp phần phổ biến WMD. Iran còn bị cáo buộc đã can thiệp vào miền nam Irắc, ủng hộ tổ chức khủng bố Hezbollah, từ chối giao nộp các phần tử bị tình nghi là thành viên Al-Qaeda, nhưng vấn đề làm Mỹ e ngại nhất là chương trình hạt nhân và vũ khí hủy diệt hàng loạt (WMD) của nước đó. Người Mỹ tuyên bố sẽ trừng phạt cả các nước cung cấp cho Iran công nghệ sản xuất WMD.

Cách đây mấy năm, Mỹ và Iran đã từng có cơ hội cải thiện quan hệ năm 1997 khi ông Mohammed Khatami, một chính khách ôn hòa và có tư tưởng cải cách, được bầu làm tổng thống. Ông Khatami đã tương đối thành công trong việc giảm bớt thù địch với khối Ả-rập và phương Tây, cũng như đề cập đến hướng khôi phục quan hệ với Washington, nhưng tiếc thay, ông bị phái bảo thủ gạt bỏ khiến tình hình quan hệ giữa hai nước tiếp tục căng thẳng.

Quan hệ xấu thêm hồi tháng 1/2000, lúc tổng thống Bush liệt Iran vào "trục ma quỷ", khiến nước này lo ngại về sự bao vây chiến lược của Mỹ, đặc biệt khi Mỹ nhấn mạnh chủ trương đánh phủ đầu để diệt tận gốc chủ nghĩa khủng bố và xu hướng phổ biến WMD. Trong nhiều tháng, chính phủ Mỹ ép ông Mohammed el Baradei, chủ tịch Cơ quan Năng lượng Nguyên tử Quốc tế (IAEA), tuyên bố Iran vi phạm cam kết cấm phổ biến WMD, để đưa vấn đề ra thảo luận ở Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Những năm gần đây, Mỹ lại tố cáo Iran vi phạm nhân quyền và phát triển tên lửa đạn đạo.

Về phía người Iran, họ vốn cảnh giác với thế giới bên ngoài, vì đã có nhiều cuộc can thiệp vào chính trường nước họ trong thế kỷ XX. Thí dụ năm 1953, Anh và Mỹ tổ chức cuộc đảo chính lật đổ thủ tướng Mohammed Mossadegh, sau này Iran nghi ngờ Mỹ ngầm ủng hộ Irắc tấn công nước mình bằng vũ khí hóa học trong cuộc chiến tranh 1980-1988. Hiện nay, Iran lo ngại lực lượng quân sự Mỹ đóng ở Apganixtan và Irắc, chưa kể khu vực xung quanh có những nước sở hữu vũ khí hạt nhân, như Ixraen, Ấn Độ, và Pakistan. Quan hệ bình thường hóa giữa Iran và Mỹ chỉ có thể được thực hiện khi cả hai bên đều thay đổi lập trường cố hữu. Về phía Iran, nước này phải thực hiện cam kết về vấn đề hạt nhân, chứng tỏ rằng mình không ủng hộ Al-Qaeda và có thái độ cân bằng đối với cuộc xung đột Ixraen-Palextin. Dĩ nhiên Iran có quyền ủng hộ người Palextin đấu tranh đòi Ixraen chấm dứt chiếm đóng, lấy lại chủ quyền ở Bờ Tây và dải Gada, nhưng Iran phải thừa nhận rằng giải pháp tối ưu để chấm dứt xung đột là thiết lập cả hai nhà nước của người Palextin và Ixraen, cũng như Iran phải công khai thừa nhận quyền tồn tại của Ixraen.

Về phần người Mỹ, họ phải tỏ ra sẵn sàng thương lượng để khôi phục từng bước quan hệ ngoại giao đầy đủ, bãi bỏ lệnh trừng phạt đối với Iran, bảo đảm tôn trọng an ninh và nền độc lập của Iran và không cản trở triển vọng Iran xin gia nhập WTO. Nhưng hiện nay, quan hệ giữa hai bên tiếp tục căng thẳng khi nhiều nghị sĩ của cả hai Đảng Dân chủ và Cộng hòa ở Mỹ nói rằng rốt cuộc sẽ phải tấn công Iran để ngăn chặn chế tạo vũ khí hạt nhân, tuy quân sự chỉ là biện pháp cuối cùng nếu không có cách nào khác. Thượng nghị sĩ Mc Cain của Đảng Cộng hòa đã phát biểu trên đài truyền hình CBS rằng, chương trình hạt nhân Iran “là vấn đề tối tệ nhất sau khi chiến tranh lạnh kết thúc” và “nếu chúng ta không tấn công quân sự cho dù bất cứ tình thế nào xảy ra thì thật là điên rồ”.

Đánh phủ đầu là chủ trương được nhiều quan chức Mỹ tán thành để ngăn chặn một nguy cơ, nhất là sau vụ khủng bố 11/9 ở Mỹ. Thứ trưởng Quốc phòng Wolfowitz từng tuyên bố: “...Chúng ta không thể cứ đợi đến khi biết rõ bọn khủng bố có thể làm gì bằng vũ khí hủy diệt hàng loạt thì mới hành động để ngăn chặn”. Tiếp theo là lời của bộ trưởng Rumsfeld: “Ở thế kỷ XXI, với vũ khí sinh học...có thể giết chết hàng trăm nghìn người, thì ta làm gì? Phải chăng cứ đợi đến khi bị tấn công...” (Rumsfeld, Press conference, 29 Jan. 2003, CNN, pp. 2-3). Chính bà Condolezza Rice, khi làm cố vấn an ninh của tổng thống, cũng đã từng nói: “Chẳng có yêu cầu về đạo đức hay luật pháp nào đòi hỏi một nước phải bị tấn công rồi mới xử lý những mối đe dọa hiện có... Mỹ từ lâu đã khẳng định quyền hành động trước để tự vệ, từ cuộc khủng hoảng tên lửa ở Cuba đến vụ rắc rối trên bán đảo Triều Tiên năm 1994” (Rice, “A balance of power”, p. 5). Như vậy, tấn công Iran chẳng phải là điều không thể xảy ra nếu cuộc khủng

hoảng hiện thời không thể giải quyết thông qua thương lượng. Tình thế càng phức tạp hơn vào đầu tháng 4/2006 vừa qua, khi quân đội Iran mở cuộc tập trận lớn, trong đó họ phóng thử một loại ngư lôi cực mạnh với tốc độ nhanh nhất thế giới và một thứ tên lửa tầm xa có khả năng mang nhiều đầu đạn, để trả lời sự đe dọa của Mỹ.

4. Cuộc xung đột Ixraen-Palexтин

Trong các vấn đề quốc tế, chưa có cuộc xung đột nào gây mệt mỏi cho các nhà quan sát như tình hình tranh chấp giữa Ixraen và Palexтин. Dư luận hầu như nhất trí rằng, cuộc xung đột có thể được thanh toán nếu có một sức ép quốc tế mạnh buộc các bên ngồi vào bàn thương lượng để đưa dần từng bước tới một giải pháp “hai nhà nước”: nhà nước Palexтин tồn tại song song với nhà nước của người Ixraen. Nhưng lúc này, viễn cảnh về một nền hòa bình ở khu vực đó còn xa xôi. Tháng 4/2004, tổng thống Bush tuyên bố ủng hộ lập trường của Ixraen duy trì các khu định cư ở Bờ Tây, khiến tình hình thêm phức tạp. Ngày 16 tháng đó, ngoại trưởng Brian Cowen của Ailen phải nói trong một cuộc họp báo rằng, không sáng kiến đơn phương nào “có thể đem lại một nền hòa bình lâu dài ở Trung Đông” và “...phải có một giải pháp công bằng, đúng đắn và thực tế cho vấn đề dân tị nạn” (*Irish Times*, 17 April 2004). Câu chuyện quen thuộc hàng ngày vẫn là làn sóng bạo lực, đánh bom liều chết, “bức tường an ninh” trên đất của người Palexтин, các khu định cư bành trướng... Nếu Mỹ cùng các nước phương Tây khác muốn đóng góp vào một giải pháp “hai nhà nước” thì họ cần hành động khẩn cấp. Trong tờ *Foreign Affairs* (số ra ngày 29/7/2003), tác giả Martin Indyk nói rằng nếu cứ bám lấy phương pháp đã thất bại là để người Ixraen và người Palexтин thương lượng dần từng bước thì sẽ không đạt kết quả, còn Stevens Everts (trong tờ

Financial Times, 29 July 2003) thì nói rằng “thế giới bên ngoài phải can thiệp vào để chặn đứng quá trình sát hại nhau”.

Đã có nhiều ý kiến cho rằng một lực lượng an ninh của khối NATO nên được đưa vào dải Gada rồi sau đến Bờ Tây, nhưng điều quan trọng là lực lượng đó phải được cả hai bên tranh chấp tán thành và phải hoạt động nhân danh Liên hiệp quốc sau khi các nhóm cực đoan ngừng bắn. Nhiệm vụ của lực lượng an ninh NATO là giúp người Palestín giữ gìn trị an ở dải Gada, và tạo không khí thuận lợi cho dân Ixraen rút đi. Nhiều người Ixraen nói rằng họ sẽ không rời khỏi các thành phố Bờ Tây nếu an ninh của họ không được bảo đảm, vì lực lượng an ninh của Palestín hiện nay quá yếu, nhưng mặt khác, nếu người Ixraen không rút hoàn toàn, thì ban lãnh đạo Palestín lại không trấn áp được các nhóm cực đoan. Như thế câu hỏi đặt ra là: lực lượng bên ngoài có nên tiếp quản các vị trí của quân đội Ixraen không?

Ý tưởng về một lực lượng NATO đến dải Gada trước kia bị coi là ngớ ngẩn, bây giờ dần dần được ủng hộ. Nhiều quan chức hàng đầu của NATO và của chính phủ Mỹ tán thành ý tưởng này, như thượng nghị sĩ Mỹ John Warner là người nhiệt liệt hoan nghênh. Trong khi đó, một số bộ trưởng Quốc phòng châu Âu không mặn mà lắm với chủ trương đó vì họ e lực lượng NATO có thể trở thành mục tiêu tấn công của các cuộc đánh bom liều chết, trừ phi các nhóm Hamas và Jihad thỏa thuận ngừng bắn. Mặt khác, phương Tây cần phải nói rõ là, lực lượng NATO đến đây để giúp người Palestín thực hiện giấc mơ xây dựng nhà nước của họ, chứ không phải là một cơ chế để duy trì cuộc chiếm đóng của nước ngoài.

Một số người ở châu Âu, trong đó có ông Dominique de Villepin, lúc đó là ngoại trưởng Pháp, chủ trương Liên minh Châu Âu (EU) nên gửi lực lượng gìn giữ hòa bình đến Trung Đông, nhưng chắc chắn Ixraen không bao giờ chấp nhận một lực lượng chỉ gồm người châu Âu. Muốn để hai bên xung đột đều ủng hộ, có lẽ lực lượng đó phải do NATO cầm đầu và có những quốc gia khác tham gia, đặc biệt là các nước Arab và Hồi giáo. Trong thời gian qua, người Ixraen muốn có an ninh nhưng không tin người Palestín đảm bảo được nền an ninh đó. Trái lại, dân Palestín muốn chấm dứt tình trạng bị chiếm đóng nhưng chưa đủ khả năng quản lý công việc của mình. Cộng đồng quốc tế than phiền về bạo lực liên miên không kết thúc và muốn giải pháp “hai nhà nước” sớm được thực hiện.

Đại đa số nhà hoạch định chính sách ở châu Âu thất vọng vì thái độ của Mỹ đối với cuộc xung đột Ixraen-Palestín, vì nước Mỹ có tác động lớn đến sự thay đổi lập trường của Ixraen, nhưng không muốn sử dụng ảnh hưởng của mình. Trái lại, chính quyền của tổng thống Bush thời gian qua ngày càng ủng hộ thái độ cứng rắn của Ixraen, khiến tình hình căng thẳng tại Trung Đông vẫn lâm vào ngõ cụt.

Tư liệu tham khảo

- *Current History*, January 2005.
- *Washington Post*, 2 May 2004.
- *Financial Times*, 19 May 2004.
- *Irish Times*, 17 April 2004.
- *Foreign Affairs*, May/June 2003.
- *International Affairs*, 2004.